

Số: 1722/BB-ĐPTTH

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 11 năm 2024

## BIÊN BẢN

### Họp đánh giá, phân loại công tác cải cách hành chính năm 2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Vào lúc 14h00 ngày 21/11/2024, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận tổ chức cuộc họp đánh giá, phân loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 như sau:

#### I. Thành phần tham dự:

- Ông Nguyễn Minh Thái, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Chủ trì cuộc họp.
- Ông Bồ Xuân Thành, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.
- Bà Trần Thị Thu Thiên, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.
- Ông Nguyễn Xuân Duy, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.
- Ông Trần Anh Sơn, Trưởng phòng kỹ thuật và Công nghệ, Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Kim Vinh, Trưởng phòng Dịch vụ và Quảng cáo, Thành viên.
- Ông Bạch Văn Hải, Trưởng phòng Thời sự, Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết, Phó phòng Biên tập, Thành viên.
- Bà Phan Thị Tuyết Trinh, Phó phòng Tổ chức và Hành chính, Thành viên.
- Ông Nguyễn Minh Tuấn, Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Thành viên.
- Ông Phạm Ngọc Đình, Chuyên viên phòng Tổ chức và Hành chính, Thành viên, Thư ký cuộc họp.

#### II. Nội dung cuộc họp

Đánh giá, phân loại công tác cải cách hành chính năm 2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Minh Thái, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Đài quán triệt mục đích, yêu cầu về việc xét, đánh giá, phân loại công tác cải cách hành chính năm 2024.

- Đại diện phòng Tổ chức và Hành chính thông qua nội dung chính Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024,...

Các thành viên dự họp trao đổi và đánh giá chấm điểm theo từng mục, nội dung của Tiêu chí.

Sau khi thảo luận, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thống nhất 100% về kết quả chấm điểm về cải cách hành chính năm 2024: 83 điểm.

- Mục A = 54 điểm.
- Mục B = 20 điểm.
- Mục C = 09 điểm.
- Mục D = 0 điểm (điểm trừ).

**Tổng cộng A + B + C + D = 83 điểm.**

Cuộc họp kết thúc lúc 15h00 cùng ngày./.

*(Kèm theo Phụ lục 1 – Bảng chấm điểm cải cách hành chính năm 2024)*

**THƯ KÝ**

**TM. HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Đình**

**Nguyễn Minh Thái**

**PHỤ LỤC 1**

**Tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính năm 2024**  
(Kèm theo Biên bản số 1722/BB-ĐPTTH ngày 18/12/2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận)

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
<b>A</b>	<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CHỨNG MINH BẰNG TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG)</b>	<b>80</b>	<b>54</b>		
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>15</b>	<b>15</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch Cải cách hành chính năm</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
1.1.2	Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm trước ngày 10/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch (Ban hành đúng thời gian quy định: 01 điểm; Ban hành trong tháng 01: 0.5 điểm; Ban hành quá thời gian quy định: 0 điểm)	1	1		Quyết định số 1663/QĐ-ĐPTTH ngày 08/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024
1.1.3	Xác định nhiệm vụ cải cách hành chính rõ ràng, trên các lĩnh vực theo Chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh; bố trí kinh phí triển khai (Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh: 0.5 điểm; Bố trí kinh phí triển khai kịp thời, đầy đủ: 0.5 điểm)	1	1		Hàng tháng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện
<b>1.2</b>	<b>Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
	Thực hiện 100% kế hoạch: 2 điểm		2		
	Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0 điểm				
<b>1.3</b>	<b>Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ đúng quy định (Quý I, 6 tháng, Quý III và năm) và các báo cáo trong năm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		- Báo cáo Quý 1: số 351/BC-ĐPTTH ngày 09/3/2024 - Báo cáo 6 tháng: số 737/BC-ĐPTTH ngày 30/5/2024 - Báo cáo Quý 3: số 1275/BC-ĐPTTH ngày 09/9/2024 - Báo cáo Năm: số 1816/BC-ĐPTTH ngày 04/12/2024 - Báo cáo số 1357/BC-PTTH ngày 24/9/2024 sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
					công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025
	- Trường hợp không có báo cáo trừ 01 điểm/báo cáo				
	- Gửi báo cáo nhưng không đúng theo thời gian quy định trừ 0.5 điểm/báo cáo				
<b>1.4</b>	<b>Kiểm tra công tác cải cách hành chính</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
1.4.1	Có Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch CCHC hàng năm nhưng nội dung phải đảm bảo đầy đủ, cụ thể)	1	1		- Kế hoạch số 17476KH-ĐPTTH ngày 22/12/2023 về Kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải cách hành chính năm 2024
1.4.2	Thực hiện kiểm tra và chấn chỉnh sau kiểm tra	1	1		
	Có báo cáo kết quả kiểm tra: 0,5		0,5		Biên bản kiểm tra thông báo công khai gửi CBVC trên TDOoffice, chạy trên màn hình Led cơ quan
	Có văn bản chỉ đạo chấn chỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền chấn chỉnh sau kiểm tra: 0,5		0,5		các Biên bản kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải cách hành chính (Kiểm tra thường xuyên và đột xuất)
<b>1.5</b>	<b>Công tác tuyên truyền cải cách hành chính (không ban hành Kế hoạch không chấm mục này)</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		
1.5.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền Cải cách hành chính	0.5	0,5		Kế hoạch số 1807/KH-ĐPTTH ngày 28/12/2023 về Tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2024
1.5.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền (như: mở chuyên mục CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử; thông qua phương tiện thông tin đại chúng báo, đài, tờ rơi...; tuyên truyền qua Hội nghị, phóng sự, tọa đàm...) hoặc có bài viết đăng trên trang tin điện tử của Bộ, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh	0.5	0,5		Đài có nhiều bài viết đăng trên Tạp chí Người làm báo và đăng phát sóng Phát thanh và Truyền hình
<b>1.6</b>	<b>Sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (trong số các sáng kiến cấp cơ sở được cấp có thẩm quyền công nhận trong năm trước liền kề của cơ quan, đơn vị).</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		Quyết định số 1781/QĐ-ĐPTTH ngày 29/11/2024 về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm 2024
	Có từ 2 sáng kiến, giải pháp cải tiến mới trở lên: 02 điểm		2		
	Có 01 sáng kiến, giải pháp cải tiến mới: 01 điểm				
	Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm				
<b>1.7</b>	<b>Có văn bản, kế hoạch thực hiện gắn với nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu cụ thể để cải thiện các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, DTC, ICT</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		- Kế hoạch số 1802/KH-ĐPTTH ngày 28/12/2023 triển khai hiện nhiệm vụ và giải pháp khắc phục các Chỉ số ăng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2024 - Kế hoạch số 977/KH-ĐPTTH ngày

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nêu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
					15/7/2024 triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024
1.8	Thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định các văn bản chỉ đạo của Trung ương và UBND tỉnh. Trường hợp có văn bản nhắc nhở của Trung ương, UBND tỉnh hoặc văn bản do lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh ký thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh để nhắc nhở, phê bình thì trừ 1 điểm/văn bản - Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.	2	2		
1.9	Thực hiện gửi kết quả đánh giá, phân loại đúng thời hạn theo quy định về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) – kèm theo biên bản họp cụ thể (trường hợp không có biên bản thì không chấm điểm ở mục này).	1	1		Biên bản số 1722/BB-ĐPTTH ngày 21/11/2024 về họp đánh giá, phân loại công tác cải cách hành chính năm 2024
II	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	7	3,5		
2.1	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị hàng năm (áp dụng đối với các cơ quan có chức năng tham mưu văn bản QPPL. Trường hợp cơ quan, đơn vị không có chức năng tham mưu văn bản QPPL thì không chấm điểm mục này)</b>	2.5			
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1			Đài không chấm điểm mục này: Đài không có nhiệm vụ tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện xây dựng văn bản QPPL
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 01 điểm				
	Thực hiện dưới 100%: 0 điểm				
	<b>Lưu ý:</b> Trường hợp đơn vị không đăng ký xây dựng văn bản QPPL và không được cấp có thẩm quyền ban hành danh mục xây dựng VBQPPL trong năm nhưng thực tế có tham mưu văn bản QPPL trong năm thì chấm 0 điểm tại Điểm 2.1.1.				
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL (căn cứ vào kết quả tự kiểm tra văn bản của năm trước liền kề hoặc kết quả kiểm tra của cấp có thẩm quyền)	1.5			
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng không trái pháp luật, không có sai sót về nội dung, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản: 1.5 điểm				
	Trường hợp trong năm có văn bản xây dựng bị trái pháp luật: 0 điểm				
	Trường hợp trong năm có văn bản xây dựng có sai sót về nội dung, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản: trừ 0.5 điểm/trường hợp.				
2.2	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	2.5	1,5		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	1			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 01 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>				
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5	0,5		Báo cáo số 1742/BC-ĐPTTH ngày 25/11/2024 về Kết quả triển khai thực hiện theo dõi thi hành pháp luật năm 2024
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5 điểm</i>				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>				
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1		100% vấn đề phát hiện được xử lý
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>				
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>				
	<i>Dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>				
<b>2.3</b>	<b>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1	1		Công văn số 58/ĐPTTH-TCHC ngày 09/01/2024 v/v báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 01 điểm</i>				
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>				
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1	1		Rà soát không phát hiện vấn đề
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 01 điểm</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>	<b>6</b>		
<b>3.1</b>	<b>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2</b>			Đài không chấm điểm mục này: Đài không có TTHC
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				
<b>3.2</b>	<b>Công bố, cập nhật, thực hiện báo cáo về thủ tục hành chính</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		
3.2.1	Công bố TTHC và các quy định có liên quan	1			
	<i>Công bố đúng nội dung và đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 01 điểm</i>				
	<i>Công bố không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 0 điểm</i>				
3.2.2	Công khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Trang Thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh	1	1		Công khai đầy đủ trên Trang Thông tin điện tử của Đài <a href="https://ninhthuantv.vn">https://ninhthuantv.vn</a>
	<i>Các cơ quan, đơn vị công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính: 1 điểm</i>				
	<i>Các cơ quan, đơn vị chưa công khai hoặc công khai không đúng quy định, không đầy đủ các thủ tục hành chính: -1</i>				
3.2.3	Thực hiện báo cáo định kỳ về Kiểm soát thủ tục hành chính (quý, năm) và đột xuất (kể cả báo cáo giấy và các báo cáo trên hệ thống phần mềm) đầy đủ và đúng thời gian quy định (Trường hợp báo cáo không đúng thời gian quy định thì cứ mỗi báo cáo trễ trừ 0.5 điểm).	1			
<b>3.3</b>	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	1		Có niêm yết bảng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân và tổ chức
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định: 01 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>				
3.3.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	1		100% xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị trên Mục Hộp thư truyền hình, Tiếp chuyện Ban nghe Đài
	<i>100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 01 điểm</i>				
	<i>Từ 70% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 70% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
<b>3.4</b>	<b>Thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”</b>	<b>3</b>			
	<b>* Đối với cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”</b>	<b>3</b>			
3.4.1	Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông” đúng quy định (trường hợp thực hiện không đúng quy trình thì trừ 0.5 điểm; trường hợp không thực hiện thì không chấm điểm cho mục này).	1			
3.4.2	Giải quyết hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm).	2			
	<i>Trường hợp có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (do lỗi của đơn vị) thì cứ mỗi hồ sơ trễ hạn, tồn đọng: trừ 0.5 điểm/01 hồ sơ</i>				
	<i>Trường hợp có từ 01 đơn thư phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bị trễ hạn: trừ 1 điểm/đơn thư.</i>				
	<b>* Đối với cơ quan, đơn vị chưa thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
3.4.3	Bố trí phòng tiếp dân.	1			Đài bố trí 01 phòng tiếp công dân, có trang bị máy lạnh, quạt, đèn và nhiều bàn, ghế để có thể tiếp đón trên 20 người /lượt.
3.4.4	Có quy định, quy chế phối hợp về tiếp nhận, xử lý, luân chuyển công văn đi, đến.	1			Quyết định số 1303/QĐ-ĐPTTH ngày 03/10/2023 ban hành Quy chế tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân.
3.4.5	Thực hiện giải quyết các thủ tục và công vụ đúng theo quy định hiện hành và không có vụ việc tồn đọng ( <i>trường hợp có vụ việc tồn đọng thì cứ 1 vụ việc tồn đọng trừ 1 điểm</i> ) - <b>Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.</b>	1			Không có vụ việc tồn đọng
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>8</b>	<b>4,5</b>		
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện quy định của Chính phủ, UBND tỉnh về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>	<b>4</b>	<b>3</b>		
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở ngành theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ	1			
	<i>Thực hiện đảm bảo đúng quy định, đúng tiến độ theo kế hoạch: 02 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>				
4.1.2	Thực hiện rà soát sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ ( <i>không áp dụng đối với đơn vị không có ĐVSNC</i> )	1	<b>1</b>		Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận
	<i>Thực hiện đảm bảo đúng quy định: 02 điểm</i>				



SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>				
4.1.3	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1	1		Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo, gồm 04 đ/c trong Ban Giám đốc
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>				
4.1.4	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các ĐVSN ( <i>Không chấm điểm đối với các cơ quan không có ĐVSN trực thuộc</i> )	1	1		Đài thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 24/02/2021
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>				
<b>4.2</b>	<b>Sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>2</b>	<b>1</b>		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế công chức theo quy định	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá biên chế hành chính: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá biên chế hành chính: 0 điểm</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCL theo quy định ( <i>Không chấm điểm đối với các cơ quan không có ĐVSN trực thuộc</i> )	1	1		Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (giao 74 biên chế, thực hiện 73)
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc tại ĐVSNCL: 1 điểm</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá biên chế hành chính hoặc người làm việc tại ĐVSNCL: 0 điểm</i>				
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>2</b>	<b>0,5</b>		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	0,5			Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0,5 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>				
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi đã được phân cấp	1,5			
	<i>Có Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp</i>	0,5			
	<i>Có Báo cáo kết quả kiểm tra việc phân cấp</i>	0,5			
	<i>Có văn bản chỉ đạo hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉ đạo chấn chỉnh sau kiểm tra việc phân cấp</i>	0,5			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nêu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC</b>	<b>17</b>	<b>14</b>		
<b>5.1</b>	Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ (sau khi có hướng dẫn của Trung ương)	<b>2</b>	<b>0</b>		Đài là đơn vị sự nghiệp, không thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.
	Thực hiện đúng theo quy định: 02 điểm				
	Chưa thực hiện đúng theo quy định: 0 điểm				
<b>5.2</b>	Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và sau khi có hướng dẫn của Trung ương (không áp dụng đánh giá đơn vị không có ĐVSNCL)	<b>2</b>	<b>2</b>		Quyết định số 515/QĐ-ĐPTTH ngày 12/09/2024 v/v phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận
	Thực hiện đúng theo quy định: 02 điểm				
	Chưa thực hiện đúng theo quy định: 0 điểm				
<b>5.3</b>	Bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<b>2</b>	<b>1</b>		Đài bố trí đúng vị trí việc làm viên chức theo quy định
	Đúng vị trí việc làm công chức theo quy định: 01 điểm				
	Đúng vị trí việc làm viên chức theo quy định: 01 điểm				
<b>5.4</b>	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức và bố trí, sử dụng công chức tại các cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có).	<b>1</b>	<b>1</b>		Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức
	Thực hiện đúng quy định: 1				
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0				
<b>5.5</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
5.5.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của đơn vị <b>trong quý I của năm</b> (Ban hành kịp thời đúng thời gian quy định: 01 điểm; có ban hành nhưng quá thời gian quy định: 0.5 điểm; không ban hành: 0 điểm)	<b>1</b>	<b>1</b>		Công văn số 1528/ĐPTTH-TCHC ngày 23/10/2024 v/v báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2024 và đăng ký nhu cầu đào tạo lý luận chính trị năm 2025. Công văn số 1382/ĐPTTH-TCHC ngày 27/9/2024 v/v đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2025.
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch ban hành (hoàn thành trên 90%: 01 điểm; dưới 90%: 0 điểm)	<b>1</b>	<b>1</b>		Hoàn thành 100%
<b>5.6</b>	<b>Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>8</b>	<b>8</b>		
5.6.1	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức viên chức theo quy định (không đúng quy định 0 điểm)	<b>1</b>	<b>1</b>		- Quý 1: Báo cáo số 247/BC-ĐPTTH ngày 23/02/2022 về Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ quý I/2024. - Quý 2: Báo cáo số 740/BC-ĐPTTH ngày

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
					31/5/2024. - Quý 3: Báo cáo số 1211/BC-ĐPTTH ngày 23/8/2024. - Quý 4: Báo cáo số 1750/BC-ĐPTTH ngày 26/11/2024. - Năm 2024: Báo cáo số 1751/BC-ĐPTTH ngày 26/11/2024.
5.6.2	Thực hiện việc bổ nhiệm công chức thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định (nếu có trường hợp thực hiện không đúng thì ko được điểm)	1	1		Đài thực hiện việc bổ nhiệm công chức thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định
5.6.3	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức qua phần mềm	1	1		Thực hiện tốt nhập hồ sơ CBVC trên Phần mềm quản lý CBVC
	<i>Thực hiện tốt: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện thì không chấm điểm.</i>				
5.6.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức (cơ quan, đơn vị không vi phạm trong năm cộng 2 điểm) - <b>Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.</b>	2	2		100% CBVC chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.
	- Có cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng, phó phòng và tương đương (kể cả các đơn vị trực thuộc) bị kỷ luật thì <b>trừ 02 điểm/trường hợp</b> . - Có cán bộ, công chức, viên chức (kể cả các đơn vị trực thuộc) không giữ chức vụ bị kỷ luật (đối với Công an tỉnh là cán bộ, chiến sĩ giữ chức vụ đội trưởng, đội phó) thì <b>trừ 01 điểm/trường hợp</b> .				Không có viên chức không giữ chức vụ hoặc viên chức giữ chức vụ Trưởng, phó phòng và tương đương bị kỷ luật
5.6.5	Tiếp nhận, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo (trường hợp có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo thì trừ 01 điểm/01 đơn thư).	1	1		Đài tiếp nhận, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo (không thuộc thẩm quyền) đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Đài không có có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo
5.6.6	Không hút thuốc lá nơi công sở (cơ quan, đơn vị còn cán bộ, công chức, viên chức hút thuốc lá nơi công sở thì không chấm điểm ở mục này).	1	1		100% CBVC Đài thực hiện tốt Không hút thuốc lá nơi công sở.
5.6.7	Không uống rượu, bia (hoặc các loại đồ uống có nồng độ cồn tương đương) trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc. Trường hợp có từ 01 CBCCVC vi phạm thì không chấm điểm ở mục này (kể cả CBCCVC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc).	1	1		100% CBVC Đài Không uống rượu, bia (hoặc các loại đồ uống có nồng độ cồn tương đương) trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc.
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>8</b>	<b>4,5</b>		<b>Đài không chấm điểm mục 6.3</b>
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	1		Công văn số 1141/ĐPTTH-DVQC ngày 13/8/2024 v/v báo cáo giải ngân và đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nêu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
					2024
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$				
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1		Thực hiện đúng quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN. Không phát hiện sai phạm trong năm 2024.
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1				
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0				
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1		
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền đã nộp NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$				
<b>6.2</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>2</b>	<b>1,5</b>		
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5	0,5		Quyết định số 1821/QĐ-ĐPTTH ngày 29/03/2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024
	Đã ban hành: 0.5				
	Chưa ban hành: 0				
6.2.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	1	1		
	Đã thực hiện: 01				
	Chưa thực hiện: 0				
6.2.3	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0.5	0		
	Có kiểm tra: 0.5 điểm				
	Không kiểm tra: 0 điểm				
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) – các đơn vị không có ĐVSNCCL trực thuộc thì không chấm điểm mục này</b>	<b>3</b>	<b>0</b>		Đài không có ĐVSNCCL trực thuộc
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0.5			
	Có thêm đơn vị: 0.5 điểm				
	Không có thêm: 0 điểm				
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.5			
	Có thêm đơn vị: 0.5 điểm				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nêu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
	<i>Không có thêm: 0 điểm</i>				
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 01 điểm</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm</i>				
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp trung bình hằng năm trong giai đoạn 2021-2025 so với năm 2020	1			
	<i>Đạt trung bình từ 2%/năm trở lên: 01 điểm</i>				
	<i>Đạt tỷ lệ dưới 2%/năm thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % giảm chi ngân sách x 1.00)/2%</i>				
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>15</b>	<b>6,5</b>		
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>6.5</b>	<b>6,5</b>		
7.1.1	Triển khai ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị.	1.5	1,5		Khai thác và ứng dụng tốt phần mềm Văn phòng điện tử
	<i>Triển khai thực hiện tốt: 1.5 điểm</i>				
	<i>Đã triển khai nhưng chưa thực hiện tốt: 01 điểm</i>				
	<i>Chưa triển khai thực hiện: 0 điểm</i>				
7.1.2	Triển khai thực hiện các dự án công nghệ thông tin được giao trong năm	1	1		Đã triển khai thực hiện tốt phần mềm công nghệ thông tin được UBND tỉnh giao trong năm
	<i>Đã triển khai thực hiện tốt: 01 điểm</i>				
	<i>Chưa triển khai thực hiện: 0 điểm</i>				
7.1.3	Số lượng tin trên Trang tin điện tử hàng năm – Từ 150 tin trở lên: 2 điểm; – Từ 100-149 tin: 1,5 điểm; – Từ 60-99 tin: 1 điểm; – Dưới 60 tin: 0 điểm.	2	2		Số lượng tin trên Trang tin điện tử năm 2024 của Đài trên 1.400 tin
7.1.4	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.	1	1		100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 01 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0 điểm</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
7.1.5	Thực hiện ứng dụng chứng thư số trên văn bản điện tử <i>Từ 80% số văn bản điện tử có ký số trở lên: 01 điểm</i> <i>Dưới 80% số văn bản điện tử có ký số: 0 điểm</i>	1	1		100% thực hiện ký chứng thư số trên văn bản điện tử
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (không thực hiện chấm điểm đối với các cơ quan, đơn vị không có TTHC)</b>	<b>4.5</b>			Đài không chấm điểm mục này: Đài không có thủ tục hành chính
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 <i>Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5 điểm</i> <i>Từ 40% - dưới 50% số hồ sơ TTHC: 1 điểm</i> <i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC hoặc Chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 0 điểm</i>	1.5			
7.2.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 (hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến qua mạng) <i>Từ 40% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 1.5 điểm</i> <i>Từ 20% - dưới 40% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 01 điểm</i> <i>Dưới 20% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 0 điểm</i>	1.5			
7.2.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bru chính công ích (quy định tại Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ)	1.5			
7.2.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI <i>Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.25 điểm</i>	0.5			
7.2.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI <i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5 điểm</i> <i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25 điểm</i> <i>Dưới 5% số hồ sơ: 0 điểm</i>	0.5			
7.2.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI <i>Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5 điểm</i>	0.5			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
	<i>Từ 15% - dưới 20% số hồ sơ: 0.25 điểm</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0 điểm</i>				
<b>7.3</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành tích hợp dịch vụ công (DVC) của các đơn vị lên Cổng dịch vụ công quốc gia</b>	<b>1</b>			Đài không chấm điểm mục này: Đài không có dịch vụ công
	<i>Đạt 80% trở lên số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 1 điểm</i>				
	<i>Đạt 50% đến dưới 80% số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 0.5 điểm</i>				
	<i>Đạt 30% đến dưới 50% số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 0.25 điểm</i>				
	<i>Dưới 30% Số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 0 điểm</i>				
<b>7.4</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện hoàn thiện số lượng biểu được giao trên hệ thống Báo cáo Kinh tế-Xã hội (Đối với các đơn vị không giao chỉ tiêu triển khai hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh thì không chấm điểm)</b>	<b>1</b>			Đài không chấm điểm mục này: Đài không được giao chỉ tiêu triển khai hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh
	<i>- Thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo) từ 80% - 100% các Sở, ban, ngành : 1</i>				
	<i>- Thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo) từ 50% - 79%: 0.5</i>				
	<i>- Thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo) từ 25% - 49%: 0.25</i>				
	<i>- Thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo) dưới 25% : 0</i>				
	Điểm được tính theo công thức: $((a1 + b1) / (a + b)) * 100$ Trong đó: <i>a là số biểu số liệu được giao</i> <i>b là số biểu báo cáo được giao</i> <i>a1 là số biểu số liệu đã thực hiện hoàn thành</i> <i>b1 là số biểu báo cáo đã thực hiện hoàn thành</i>				
<b>7.5</b>	<b>Lĩnh vực ISO (không chấm điểm đối với đơn vị chưa áp dụng ISO)</b>	<b>2</b>			Đài không chấm điểm mục này: Đài chưa áp dụng ISO; Đài thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến trên sóng phát thanh và truyền hình về công tác triển khai, thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO



SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nêu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
7.5.1	Có Ban hành Kế hoạch và Mục tiêu chất lượng hàng năm.	0.25			
7.5.2	Việc thực hiện và cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng (Đảm bảo 100% TTHC được thực hiện ISO và được cập nhật).	0.25			
7.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và Họp xem xét của lãnh đạo.	0.25			
7.5.4	Đảm bảo sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (kiện toàn Ban chỉ đạo ISO khi có sự thay đổi, ban hành hệ thống tài liệu, xác nhận hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng).	0.25			
7.5.5	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng và gửi đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp.	0.25			
7.5.6	Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (Cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức).	0.25			
7.5.7	Gửi Báo cáo định kỳ hằng năm đến cơ quan quản lý đúng hạn.	0.25			
7.5.8	Chịu trách nhiệm liên đới khi đơn vị cấp dưới thuộc quyền quản lý không thực hiện tốt việc áp dụng ISO (Không ban hành kế hoạch, không đánh giá nội bộ, không duy trì việc áp dụng ISO,...).	0.25			
<b>B</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN)</b>	<b>20</b>	<b>20</b>		
<b>1</b>	Số lần đi lại để bổ sung hồ sơ khi thực hiện 01 giao dịch thủ tục hành chính (kể từ lần đầu tiên đến cơ quan cho đến ngày nhận kết quả) Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh đi lại từ 02 lần trở lên (do cơ quan, đơn vị hướng dẫn không đầy đủ, không rõ ràng hoặc hướng dẫn nhiều nhiều) thì trừ 0.2 điểm	2	2		
<b>2</b>	Tình trạng phiền hà, sách nhiễu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức phiền hà, sách nhiễu thì trừ 0.2 điểm	2	2		
<b>3</b>	Tình trạng vòi vĩnh, gợi ý nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức vòi vĩnh thì trừ 0.2 điểm	2	2		
<b>4</b>	Việc giải quyết hồ sơ đúng hạn Cứ mỗi 1% ý kiến khảo sát phản ánh giải quyết hồ sơ trễ hạn thì trừ 0.2 điểm	2	2		
<b>5</b>	Việc thực hiện thư xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn Cứ mỗi ý kiến khảo sát phản ánh không thực hiện thư xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn thì	2	2		



SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
	<i>trừ 0.2 điểm/trường hợp</i>				
<b>6</b>	<b>Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân</b>	<b>10</b>	<b>10</b>		
6.1	Hài lòng khi tiếp cận dịch vụ <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2	2		
6.2	Hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2	2		
6.3	Hài lòng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2	2		
6.4	Hài lòng với kết quả cung ứng dịch vụ công <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2	2		
6.5	Hài lòng với việc xử lý phản ánh, kiến nghị <i>Cứ 0,1% ý kiến phản ánh không hài lòng thì trừ 0.05 điểm</i>	2	2		
<b>C</b>	<b>ĐIỂM CỘNG</b>		<b>9</b>		
1	Có tổ chức tự điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị.	3 điểm	3		
	<i>Có tổ chức điều tra, khảo sát sự hài lòng: 1,5 điểm</i>				Công văn số 965/ĐPTTH –TCHC ngày 12/7/2024 v/v khảo sát mức độ hài lòng đối với việc thực thi công vụ của Đài
	<i>Có báo cáo kết quả tự khảo sát: 1,5 điểm</i>				Báo cáo số 1124/BC-ĐPTTH ngày 08/8/2024 tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố về phiếu khảo sát mức độ hài lòng đối với việc thực thi công vụ của Đài PT&TH tỉnh Ninh Thuận năm 2024
2	Không có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân tỉnh	3 điểm	3		Đài không có văn bản nhắc nhở của UBND tỉnh
3	Có sáng kiến cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận (cấp tỉnh, cấp Bộ, ngành Trung ương) - căn cứ vào sáng kiến của năm trước liền kề.	3 điểm	3		Quyết định số 1781/QĐ-ĐPTTH ngày 29/11/2024 về việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm 2024
4	Kết quả đánh giá DDCI				
	<i>Tăng điểm so với năm trước.</i>	0,5 điểm			
	<i>Tăng vị thứ so với năm trước.</i>	0,5 điểm			
	<i>Kết quả điểm cao hơn điểm PCI của tỉnh</i>	1 điểm			
5	Hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (tiêu chí này thực hiện đối với đơn vị được cấp vốn đầu tư công)	2 điểm			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
6	Chỉ số mức độ hài lòng của đơn vị (theo kết quả khảo sát của tỉnh) cao hơn Chỉ số SIPAS năm trước liền kề của tỉnh	+ 0,1 điểm/1% cao hơn			
7	Đối với các đơn vị phụ trách Chỉ số PAR INDEX của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTEP tăng điểm hoặc tăng bậc			
8	Đối với các đơn vị phụ trách Chỉ số PCI của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTEP tăng điểm hoặc tăng bậc			
9	Đối với các địa phương, đơn vị có TTHC hoặc người dân được lựa chọn tham gia Chỉ số SIPAS của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTEP tăng tỷ lệ hài lòng hoặc tăng bậc			
10	Đối với các địa phương được lựa chọn tham gia Chỉ số PAPI của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTEP tăng điểm hoặc tăng bậc			
<b>D</b>	<b>ĐIỂM TRỪ</b>		<b>0</b>		
1	Không thực hiện việc xin lỗi công dân đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc không giải thích cụ thể đối với các trường hợp trả lại hồ sơ.	-1 điểm/ hồ sơ	<b>0</b>		
2	Không công khai, minh bạch tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh đối với doanh nghiệp theo quy định.	-1 điểm	<b>0</b>		
3	Trễ hạn khi thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh: - Dưới 3%: - 01 điểm (không trừ điểm đối với đơn vị trễ hạn trong tỷ lệ này nhưng số lượng nhiệm vụ được giao trong năm từ 100 nhiệm vụ trở lên); - Từ 3% - dưới 5%: - 2 điểm; - Từ 5% - dưới 10%: - 5 điểm; - Từ 10% - dưới 20%: - 10 điểm; - Từ 20% - 30%: - 15 điểm; - Từ 30% trở lên: - 20 điểm.	Tối đa trừ 20 điểm	<b>0</b>		
4	Chỉ số mức độ hài lòng của đơn vị (theo kết quả khảo sát của tỉnh) thấp hơn Chỉ số SIPAS của tỉnh	- 0,1 điểm/1% thấp hơn	<b>0</b>		
5	Kết quả đánh giá DDCI				
	<i>Giảm điểm so với năm trước.</i>	- 0,5 điểm			
	<i>Giảm vị thứ so với năm trước.</i>	- 0,5 điểm			
	<i>Kết quả điểm thấp hơn điểm PCI của tỉnh</i>	- 1 điểm			
6	Chưa hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (tiêu chí này thực hiện đối với đơn vị được cấp vốn đầu tư công)	- 0,1 điểm/1%			
7	Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng chưa tròn quy trình	- 01 điểm	<b>0</b>		

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (Nếu cụ thể ngày tháng năm ban hành VB)
8	Đối với các đơn vị phụ trách Chỉ số PAR INDEX của tỉnh	- 1 điểm/ CSTP giảm điểm hoặc giảm bậc	0		
9	Đối với các đơn vị phụ trách Chỉ số PCI của tỉnh	- 1 điểm/ CSTP giảm điểm hoặc giảm bậc	0		
10	Đối với các địa phương, đơn vị có TTHC hoặc người dân được lựa chọn tham gia Chỉ số SIPAS của tỉnh	- 1 điểm/ CSTP giảm tỷ lệ hài lòng hoặc giảm bậc	0		
11	Đối với các địa phương được lựa chọn tham gia Chỉ số PAPI của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTP giảm điểm hoặc giảm bậc	0		
	<b>ĐIỂM TỔNG CỘNG (A+B+C+D) – làm tròn đến 3 số thập phân</b>		<b>83</b>		